TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2022/DS-PT
Ngày: 28-12-2022
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Đức

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Phước Minh Phong – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Ông Trần Minh Công – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2022/TLPT- DS ngày 19 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 31/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 297/2022/QĐ-PT ngày 07/11/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 225/2022/QĐ-HPT ngày 29/11/2022; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 656/TB-TA ngày 07/12/2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 336/2022/QĐ-PT ngày 14/12/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Vợ chồng ông Ngô Văn L, sinh năm: 1935, bà Phạm Thị H, sinh năm: 1963; cư trú tại số 88, thôn R, xã PH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị H: Ông Trần Văn D, sinh năm: 1981; địa chỉ liên lạc: lầu 1, số 141, đường Nguyễn Thị N, phường Hiệp Bình P, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh. Luật sư của Công ty Luật

trách nhiệm hữu hạn một thành viên NS - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1958; cư trú tại số 84, thôn R, xã PH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Đình H, sinh năm: 1979; cư trú tại số 54, thôn R, xã PH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Thụy N, sinh năm: 1982; cư trú tại số 86, thôn R, xã PH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm: 1984; cư trú tại số 52, thôn R, xã PH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

4. Chị Nguyễn Thị Thúy D1, sinh năm: 1986; cư trú tại số 84, thôn R, xã PH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng, xin xét xử vắng mặt.

5. Ngân hàng A. Trụ sở: số 02 L, phường TC, quận BĐ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp:

+ Ông Tiết Văn T, là người đại diện theo pháp luật (Tổng Giám đốc).

+ Ông Lê Thế H1. Địa chỉ: Ngân hàng A - Chi nhánh huyện ĐT, Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền, vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Kon Sơ Ha J; cư trú tại số 376, thôn R, xã PH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

Người kháng cáo: Vợ chồng ông Ngô Văn L, bà Phạm Thị H - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 19/6/2020, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của vợ chồng ông Ngô Văn L, bà Phạm Thị H thì: Năm 1992 vợ chồng ông, bà nhận chuyển nhượng của ông Ngô Văn N lô đất có diện tích 300m^2 (mặt tiền Quốc lộ 20 là 6m x 50m chiều dài). Tháng 10/1995, vợ chồng ông, bà xây dựng, đào móng sát ranh đất ông N; còn bên phía nhà ông P, bà T thì vợ chồng ông đào móng nhà chừa 0,2m (nhà xây chiều rộng 5,8m).

Quá trình sử dụng, ngày 18/11/1998 hộ ông Ngô Văn L được Ủy ban nhân dân huyện ĐT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 60m^2 (mục đích sử dụng: T), thuộc thửa 719, tờ bản đồ 14 tại xã PH, huyện ĐT; lúc này cơ quan có thẩm quyền chỉ cấp quyền sử dụng đất ở cho vợ chồng ông bà. Đến ngày 26/11/2007, Ủy ban nhân dân huyện ĐT tiếp tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông bà phần đất phía trên, toàn bộ có diện tích 225m^2 thuộc thửa 719 tại xã PH, huyện ĐT.

Năm 2007, vợ chồng ông P, bà T cho con gái là chị N xây nhà sát vách nhà vợ chồng ông, bà. Vợ chồng ông P, bà T, chị N lấn chiếm của vợ chồng ông bà 0,2m đất mặt tiền kéo dài hết đất. Tổng diện tích đất lấn chiếm là 39,7m^2. Nay vợ chồng ông, bà yêu cầu bà T, chị N trả lại cho vợ chồng ông, bà diện tích đất 39,7m^2 thuộc một phần thửa 719, tờ bản đồ sồ 14 tại xã PH, huyện ĐT.

Ngoài ra, vào tháng 8/2008 vợ chồng ông bà thuê thợ xây tường ở phía sau ranh giới hai bên giữa nhà ông, bà và vợ chồng ông P, bà T. Tường gạch móng đá dài 7,5m, cao 2,2m nhưng vừa xây xong buổi trưa thì chiều tối bà T đào 01 con mương sát tường nhà ông, bà và ngay hôm sau bức tường bị sụp đổ. Tổng giá trị vật liệu và công trình xây dựng hết 7.000.000đ. Nay vợ chồng ông, bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị Thụy N, chị Nguyễn Thị Thúy D1, chị Nguyễn Thị Thùy D, anh Nguyễn Đình H bồi thường cho vợ chồng ông, bà do hành vi gây thiệt hại nói trên với số tiền là 7.000.000đ.

- Theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị Thanh T thì: Ông Nguyễn Văn P là chồng bà; chết năm 2019. Bà và ông P có 04 người con chung gồm: Nguyễn Thị Thụy N, Nguyễn Thị Thúy D, Nguyễn Thị Thùy D, Nguyễn Đình H. Ngoài ra, ông P không có vợ, con chung, con nuôi, con riêng nào khác. Vợ chồng ông, bà đã ở trên mảnh đất này từ năm 1982, trước đây ranh đất giữa 02 nhà là hàng dâm bụt, dây kẽm gai để làm ranh đất giữa 02 nhà. Khi ông L xây nhà thì có xin phép gia đình bà cho phá hàng dâm bụt, dây kẽm gai để ông L xây nhà hết ranh đất từ trước ra sau. Nhà và đất phía giáp ranh với nhà ông L, bà đã cho con gái bà là chị N; ranh đất sử dụng ổn định từ năm 1982. Năm 1995 ông L đã xây nhà giáp ranh đất khi đó ông L xin đào hàng rào để làm móng nhà và năm 2016 phá nhà cũ làm nhà mới phía trước xây 1 trệt 01 lầu. Ranh đất giữa 02 nhà từ trước đến nay đã là hai bức tường xây vách nhà móng đá. Do đó, bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông L, bà H.

- Chị Nguyễn Thị Thụy N, chị Nguyễn Thị Thùy D, chị Nguyễn Thị Thùy D, anh Nguyễn Đình H thống nhất với lời trình bày của bà T và không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông L, bà H.

- Theo lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng A thì: Vợ chồng ông L, bà H đang vay vốn tại Ngân hàng A – Chi nhánh ĐT – Phòng giao dịch LK theo hợp đồng tín dụng số 5412-LAV-202101245; thời hạn 12 tháng, khoản vay trên chưa đến hạn trả nợ. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khắc gắn liền với đất số 8207/HĐTC ngày 08/6/2021 gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 090494 do Ủy ban nhân dân huyện ĐT cấp ngày 26/11/2007 mang tên ông Ngô Văn L, bà Phạm Thị H. Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án số 21/2022/DS-ST ngày 31/5/2022; Tòa án nhân dân huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Ngô Văn L, bà Phạm Thị H đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thụy N, chị Nguyễn Thị Thúy D1, chị Nguyễn Thị Thùy D, anh Nguyễn Đình H, Ngân hàng A (Agribank) về vụ việc tranh chấp về quyền sử dụng đất.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Ngô Văn L, bà Phạm Thị H đối với diện tích 39,7m^2 đất, thuộc 01 phần thửa đất số 719, tờ bản đồ số 14, xã PH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng mà vợ chồng ông Ngô Văn L, bà Phạm Thị H yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thụy N, chị Nguyễn Thị Thúy D1, chị Nguyễn Thị Thùy D, anh Nguyễn Đình H trả lại.

Xác định ranh giới đất giữa thửa đất số 454 (đất hộ ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Thanh T), tờ bản đồ số 14, xã PH, huyện ĐT và thửa đất số 719 (đất ông Ngô Văn L, bà Phạm Thị H), tờ bản đồ số 27, xã PH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng là các vị trí từ số 8 đến số 9, từ số 9 đến số 11, từ số 11 đến số 12 (Có họa đồ đề ngày 25/5/2021 kèm theo).

Trường hợp Bản án có hiệu lực pháp luật thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai căn cứ Bản án điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các đương sự là hộ ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Thanh T và vợ chồng ông Ngô Văn L, bà Phạm Thị H.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Ngô Văn L, bà Phạm Thị H đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thụy N, chị Nguyễn Thị Thúy D1, chị Nguyễn Thị Thùy D, anh Nguyễn Đình H về vụ việc tranh chấp về yêu cầu đòi bồi thường thiện hại ngoài hợp đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Ngô Văn L, bà Phạm Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị Thụy N, chị Nguyễn Thị Thúy D1, chị Nguyễn Thị Thùy D, anh Nguyễn Đình H trả số tiền 7.000.000đ bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

Ngoài ra, Tòa án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 13/6/2022 vợ chồng ông Ngô Văn L, bà Phạm Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa,

Vợ chồng ông Ngô Văn L, bà Phạm Thị H vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Bà Nguyễn Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị Thụy N, chị Nguyễn Thị Thùy D, anh Nguyễn Đình H đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Về nội dung: Đề nghị hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc vợ chồng ông Ngô Văn L, bà Phạm Thị H cho rằng năm 2007, vợ chồng ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Thanh T và con gái là chị Nguyễn Thị Thụy N xây dựng nhà lấn chiến sang phần đất của vợ chồng ông, bà 39,7m^2 thuộc một phần thửa đất số 719, tờ bản đồ số 14 tại xã PH, huyện ĐT; đồng thời, năm 2008 vợ chồng ông bà có xây bức tường gạch, móng đá chẻ phía sau ranh giới giữa hai nhà với số tiền mua vật tư là 7.000.000đ; gia đình bà T đã đào mương sát bức tường làm cho bức tường bị sụp đổ. Nay vợ chồng ông, bà yêu cầu gia đình bà T trả lại diện tích đất đã lấn chiếm trên và bồi thường tiền mua vật tư xây bức tường là 7.000.000đ. Bà T và các con là chị Nguyễn Thị Thụy N, chị Nguyễn Thị Thúy D, chị Nguyễn Thị Thùy D, anh Nguyễn Đình H không đồng ý nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng" là có căn cứ, phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 18/11/1998, hộ ông Ngô Văn L được Ủy ban nhân dân huyện ĐT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L549504 đối với diện tích đất 60m^2 thuộc thửa đất số 719, tờ bản đồ số 14 tại xã PH, huyện ĐT. Sau khi điều chỉnh lộ giới, ngày 26/11/2007 vợ chồng ông L, bà H được Ủy ban nhân dân huyện ĐT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 090494 đối với diện tích đất 225m^2 thuộc thửa đất số 719, tờ bản đồ số 14 tại xã PH, huyện ĐT.

[2.2] Ngày 11/8/2003, hộ ông Nguyễn Văn P (chồng bà T) được Ủy ban nhân dân huyện ĐT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X76546 đối với diện tích đất 726m^2 thuộc thửa đất số 454, tờ bản đồ số 14 tại xã PH, huyện ĐT.

[2.3] Qua xem xét, thẩm định tại chỗ trong quá trình giải quyết vụ án thì thấy rằng, ranh giới giữa căn nhà 01 trệt 01 lầu phía trước giáp lộ giới Quốc lộ 20 của vợ chồng ông L, bà H và bà T hiện do chị N quản lý, sử dụng là nền móng đá chẻ và bức tường xây của hai nhà giáp nhau; ranh giới phía sau nhà ông L và bà T là hàng rào tường gạch trên nền móng đá chẻ được vợ chồng ông L, bà H xây dựng cố định

từ năm 2003 đến nay. Phần đất phía sau căn nhà 02 tầng của vợ chồng ông L đang quản lý, sử dụng nằm cao hơn phần đất của gia đình bà T khoảng 80cm.

[2.4] Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm, người làm chứng ông Ha Je khẳng định, khi Ủy ban nhân dân xã PH, huyện ĐT tiến hành xác minh hiện trường về việc xác định cắm mốc ranh giới đất vào ngày 07/8/2007, thì hai bên gia đình nhà ông L, bà H và ông P, bà T đã xác định ranh đất giữa hai nhà là móng đá chẻ, hàng rào tường xây gạch.

[2.5] Theo nội dung của Biên bản xác minh hiện trường về việc xác định cắm mốc ranh giới đất của ông Nguyễn Văn P, bà Phạn Thị Hoàn, ông Ngô Văn L ngày 07/8/2007 tại thôn R'Chai II, xã PH, huyện ĐT nói trên; có sự tham gia của ông Bùi Thanh Q, ông Trần Minh D là cán bộ địa chính. Ông Ngô Văn L thống nhất việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất trước đây với ông Ngô Văn N là 6m, nhưng tại thời điểm xác minh thì đất có mặt tiền 6m, mặt sau 5,8m, ông thống nhất theo hiện trạng và đề nghị hộ ông Nguyễn Văn P khi xây nhà và làm hàng rào phải cách móng nhà và ranh giới của ông 0,1m để tránh ảnh hưởng tới nền móng của gia đình ông và khi ông có nhu cầu sửa chữa lại nhà cũng không làm ảnh hưởng đến ông P. Biên bản xác minh hiện trường về việc xác định cắm mốc ranh giới trên được vẽ sơ đồ thể hiện cụ thể phần đất của gia đình ông P, gia đình ông L và được các bên ký xác nhận.

[2.6] Ngày 24/8/2007, Ủy ban nhân dân xã PH, huyện ĐT có Công văn số 54/UBND xác định ngày 07/8/2007 Ban Địa chính đã tiến hành mời các bên liên quan đến tại hiện trường để cắm mốc và kết quả các bên đã thống nhất theo nội dung cắm mốc. Do đó, cần xác định ranh giới đất giữa vợ chồng ông L, bà H với bà T là hàng rào móng đá chẻ, tường xây gạch được vợ chồng ông ông L, bà H xây dựng kiên cố từ năm 2003.

[2.7] Như vậy, trước đó các bên đã thỏa thuận cụ thể ranh giới đất; ranh giới đất đang hiện hữu và được các bên sử dụng ổn định, nhưng ngày 26/11/2007 Ủy ban nhân dân huyện ĐT lại cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 090494 đối với diện tích đất 225m^2 (mặt tiền quốc lộ 20 là 6m, chiều dài là 50m), thuộc thửa đất số 719, tờ bản đồ số 14 tại xã PH, huyện ĐT cho vợ chồng ông L, bà H mà không căn cứ vào hiện trạng thực tế các bên thỏa thuận, sử dụng ổn định là không chính xác. Từ đó, vợ chồng ông L căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp để tranh chấp với bà T là không chính xác.

[2.8] Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân huyện ĐT vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ tính hợp pháp việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các bên và xác định thẩm quyền giải quyết vụ án. Bên cạnh đó cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng lại tuyên "Trường hợp Bản án có hiệu lực pháp luật thì Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai căn cứ Bản án điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các đương sự là hộ ông Nguyễn Văn P, bà

Nguyễn Thị Thanh T và vợ chồng ông Ngô Văn L, bà Phạm Thị H" là không đúng với quy định pháp luật và không thể thi hành án trong thực tế.

Hơn nữa, theo lời trình bày của đương sự thì phạm vi phần đất theo các điểm số 6, 7, 8, 9 theo họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất ngày 25/5/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn An Thịnh Lâm Đồng thì các bên không có tranh chấp, nhưng cấp sơ thẩm vẫn tiến hành đo vẽ và giải quyết luôn phần đất này là vượt quá yêu cầu khởi kiện, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá đúng tính chất của vụ án, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại theo thủ tục chung. Do hủy án nên chưa xem xét đến nội dung kháng cáo của vợ chồng ông L, bà H.

[4] Về chi phí tố tụng: chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ sẽ được xem xét khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết lại vụ án.

[5] Về án phí: Do hủy án nên các đương sự không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm. Án phí Dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét khi Tòa án thụ lý, giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Hủy toàn bộ Bản án Dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 31/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng" giữa vợ chồng ông Ngô Văn L, bà Phạm Thị H với bà Nguyễn Thị Thanh T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Đình H, chị Nguyễn Thị Thùy D, chị Nguyễn Thị Thụy N, chị Nguyễn Thị Thúy D1 và Ngân hàng A.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

3. Chi phí tố tụng: chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ sẽ được xem xét khi Tòa án nhân dân huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng thụ lý, giải quyết lại vụ án.

4. Về án phí:

Vợ chồng ông Ngô Văn L, bà Phạm Thị H không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm; vợ chồng ông L, bà H được nhận lại số tiền 600.000đ tạm ứng án phí Dân sự

phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007616 và số 0007617 ngày 14/6/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND huyện ĐT (01);
- Chi cục THADS huyện ĐT (01)
- Đương sự (07);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Châu Thạch